

Số: /TB-UBND

P. Lê Thanh Nghị, ngày tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh, an toàn thực phẩm, bảo trợ xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế

Thực hiện Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế theo quy định tại Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP của Chính phủ; Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực phòng bệnh, bảo trợ xã hội, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.

Ủy ban nhân dân Phường Lê Thanh nghị thông báo về việc niêm yết danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.

1. Niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tại Trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công Phường Lê Thanh Nghị.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

2. Đăng tải thông báo niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử phường: <http://lethanhnghi.haiphong.gov.vn>.

Ủy ban nhân dân Phường Lê Thanh Nghị thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy phường;
- CT, PCT UBND phường (Bà Nga);
- Trung tâm PVHCC phường;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Thị Hằng Nga

**PHỤ LỤC I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
A1. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

STT	Mã TTHC	Tên THC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý/Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
1	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	7.5 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2022 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh - Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế; - Thông tư số 02/2026/TTBYT ngày 05/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc

							quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
2	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị và giấy phép hành nghề kèm theo	7,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị và giấy phép hành nghề kèm theo	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/202 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh - Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế; - Thông tư số 02/2026/TTBYT ngày 05/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
3	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn	- Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 30	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí <i>(Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/202 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh - Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt

		<p>40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.</p>	<p>ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.</p>	<p><i>tư số 64/2025/TT-BTC):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện: 10.500.000đ/hồ sơ - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đ/hồ sơ - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đ/hồ sơ - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đ/hồ sơ - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đ/hồ sơ 	<p>giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2026/TTBYT ngày 05/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
--	--	--	---	---	--

4	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám chữa bệnh,	20 ngày (10 ngày làm việc đối với bệnh viện tư nhân) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	10 ngày (05 ngày làm việc đối với bệnh viện tư nhân) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC): 1.500.000đ/hồ sơ (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/202 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh - Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế; - Thông tư số 02/2026/TTBYT ngày 05/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
5	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám chữa bệnh,	Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Riêng đối với trường hợp III, cần tính thời hạn thực hiện theo trình tự thực hiện quy định tại khoản 10 Điều	Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Riêng đối với trường hợp III, cần tính thời hạn thực hiện theo trình tự thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 66 Nghị định	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/202 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh - Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

		<p>66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP trước khi nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động) Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: thời hạn để xử lý Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị (Riêng đối với trường hợp III, cần tính thời hạn thực hiện theo trình tự thực hiện</p>	<p>số 96/2023/NĐ-CP trước khi nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động) Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: thời hạn để xử lý Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị (Riêng đối với trường hợp III, cần tính thời hạn thực hiện theo trình tự thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 66 Nghị định số</p>	<p><i>hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh).</i> (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC) * Trường hợp I: 1.500.000 đ/hồ sơ * Trường hợp II, III: - Thay đổi quy mô hoạt động: + Bệnh viện: 10.500.000 đ/hồ sơ. + Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đ/hồ sơ. + Phòng khám y học cổ truyền,</p>	<p>- Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 04/2026/TT-BYT ngày 16/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đối với việc bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân</p>
--	--	---	---	---	---

			<p>quy định tại khoản 10 Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP trước khi nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động)</p>	<p>96/2023/NĐ-CP trước khi nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động)</p>	<p>Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đ/hồ sơ. + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đ/hồ sơ. - <i>Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật</i> + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đ/hồ sơ. + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y</p>	
--	--	--	---	--	---	--

						<p>học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ. + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đ/hồ sơ. - <i>Giảm bớt danh mục kỹ thuật:</i> Không thu phí.</p>	
6	1.012289	<p>Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh</p>	<p>20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã</p>	<p>430.000đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT- BTC):</p>	<p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2022 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bện - Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân</p>

		dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng					
7	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	7.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	- 150.000đ/hồ sơ (Đối với trường hợp 1,2,12,15,16,17) ¹ - 430.000đ/hồ sơ (Đối với trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14) ²	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/202 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bện - Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh

¹ Trường hợp 1: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP
Trường hợp 2: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP
Trường hợp 12: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh
Trường hợp 15: Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng Trường hợp 16: Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài
Trường hợp 17: Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề bị thu hồi chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 29 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, số 40/2009/QH12. Thời gian từ ngày thu hồi chứng chỉ hành nghề đến ngày đề nghị được cấp giấy phép hành nghề không quá 24 tháng

² Trường hợp 3: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề không đúng quy định (điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)
Trường hợp 4: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề không đúng quy định (điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)
Trường hợp 5: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do cấp sai chức danh chuyên môn hoặc phạm vi hành nghề trong giấy phép hành nghề so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề (điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)

		tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng				(Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC):	doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
--	--	--	--	--	--	--	--

Trường hợp 6: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do cấp sai chức danh chuyên môn hoặc phạm vi hành nghề trong giấy phép hành nghề so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề (điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)

Trường hợp 7: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do không hành nghề trong thời gian 24 tháng liên tục (điểm d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)

Trường hợp 8: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 hoặc 6 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)

Trường hợp 9: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 hoặc 6 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)

Trường hợp 10: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do người hành nghề tự đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề (điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)

Trường hợp 11: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 137 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP do người hành nghề tự đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề (điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh)

Trường hợp 13: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐCP

Trường hợp 14: Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐCP

8	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyên tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	60 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề	30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/202 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bện - Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
9	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyên tiếp đối với	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	7.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: 430.000đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/202 - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bện

		<p>hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng</p>				<p>hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC):</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
--	--	---	--	--	--	---	---

A.2. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1.	1.006424	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	05 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	-Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	- Phí: + Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 550.000 đồng/hồ sơ (áp dụng theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính); + Từ ngày 01/1/2027: 1.100.000 đồng/hồ sơ (áp dụng theo Thông tư số 67/2021/TT-	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội - Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội, sửa đổi bởi Luật Quảng cáo sửa đổi số 75/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi
----	----------	--	--	--	--	---	---

						<p>BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính)</p> <p>- Lệ phí: Không</p>	<p>hành một số điều của Luật Quảng cáo</p> <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế</p> <p>- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;</p> <p>- Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia;</p> <p>- Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;</p> <p>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế về xác nhận nội dung</p>
--	--	--	--	--	--	--	--

						<p>quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 03/2026/TT-BYT ngày 12 tháng 2 năm 2026 của Bộ Y tế, về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật;- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân (áp dụng từ 01/7/2025 đến hết 31/12/2026)
--	--	--	--	--	--	--

PHỤ LỤC II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (13 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên THC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý/Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (13 TTHC)							
A1. LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH (13 TTHC)							
1.	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Trường hợp 1 ¹ : 20 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ Trường hợp 2.1 ² : 80 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ Trường hợp 2.2 ³ : 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trường hợp 1: 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ Trường hợp 2.1: 40 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ Trường hợp 2.2: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: Trường hợp 1: 11.000.000đ/hồ sơ Trường hợp 2: - Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm (nộp lần đầu cùng với hồ sơ đăng ký lưu hành mới): 3.500.000đ/hồ sơ - Phí thẩm định đăng ký lưu	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh - Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.

¹ Đối với hồ sơ chế phẩm đăng ký lưu hành mới của chế phẩm diệt côn trùng dùng trong gia dụng có hoạt chất, hàm lượng hoạt chất, dạng chế phẩm theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới và phù hợp với quy định của Bộ Y tế về danh mục hoạt chất không được sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; hồ sơ đăng ký mới đối với chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng có chứa hoạt chất Ethanol hoặc Isopropanol hoặc hỗn hợp Ethanol và Isopropanol với tổng hàm lượng từ 60% đến 90% và có thể chứa không quá 0,5% Chlorhexidine.

² Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế không thuộc trường hợp 1: Hồ sơ đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế có chứa hoạt chất hoặc có dạng sản phẩm lần đầu hoặc có phạm vi sử dụng hoặc tác dụng lần đầu đăng ký tại Việt Nam.

³ Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế không thuộc trường hợp 1: Hồ sơ đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế không thuộc trường hợp 1 và trường hợp 2.1 ở trên.

			được đủ hồ sơ hợp lệ.	được đủ hồ sơ hợp lệ.		<p>hành mới (nộp khi bổ sung Phiếu trả lời kết quả khảo nghiệm và kết quả kiểm nghiệm thành phần hoạt chất): 11.000.000 đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;. - Thông tư số 05/2026/TT-BYT ngày 31/3/2026 của Bộ Y tế ban hành Danh mục hóa chất không được sử dụng và Danh mục hóa chất nguy hiểm cần công bố thông tin trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.
--	--	--	-----------------------	-----------------------	--	---	--

							<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
2.	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	7.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã 	Phí: 4.000.000đ/hồ sơ <i>(Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh - Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa
3.	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	7.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã 	Phí: 2.500.000đ/hồ sơ <i>(Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ</i>	

		khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế				01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)	chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ
4.	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	7.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: 5.000.000đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC	
5.	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: - Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 3.500.000 đ/hồ sơ - Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung:	

						2.500.000đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT- BTC	phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
6.	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	7.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: 2.500.000đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT- BTC)	
7.	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ đối với đăng ký lưu	- 7.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ đối với đăng ký lưu	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: - Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 3.500.000 đ/hồ sơ	

		gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	hành bổ sung thay đổi hạn sử dụng. - Các trường hợp còn lại: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	hành bổ sung thay đổi hạn sử dụng - Các trường hợp còn lại: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.		- Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung: 2.500.000đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)	
8.	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	2.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ. (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT)	

9.	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	2.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: Không
10.	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	3.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: 2.000.000đ/hồ sơ <i>(Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)</i>
11.	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	3.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: 2.000.000đ/hồ sơ <i>(Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số</i>

						64/2025/TT-BTC)
12.	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	3.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: 2.000.000đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)
13.	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	3.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố - Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã	Phí: 2.000.000đ/hồ sơ (Thu 50% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC)

PHỤ LỤC III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (19 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (18 TTHC)			
A1. LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH (15 TTHC)			
1.	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không có tr	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.
2.	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	
3.	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
4.	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
5.	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.	- Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế - Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh.
6.	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	
7.	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	
8.	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	
9.	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	
10.	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.	
11.	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.	Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm,

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC
12.	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.	đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế
13.	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	
14.	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	
15.	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	
A2. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (03 TTHC)			
1.	1.013820	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.
2.	1.013814	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội.	
3.	1.013815	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)			
B1. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (01 TTHC)			
1.	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.